

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2022

V/v Ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Nhân

2. Ông Nguyễn Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 228/2021/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Huyền T, sinh năm 1993

Nơi cư trú: ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Lê Minh N, sinh năm 1992

Nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/12/2021 chị Ngô Huyền T có lời trình bày như sau: Chị và anh Lê Minh N xác lập hôn nhân năm 2017, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào năm 2017. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng thời gian

đầu, đến khoảng năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa hai người có nhiều khác biệt trong cách sống, quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi nhau. Chị và anh N sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau.

Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh N.

Về con chung: Có một người là Lê Huyền M, sinh ngày 09/3/2018 hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện, chị có yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 1.500.000 đồng đến khi đủ 18 tuổi nhưng nay chị có đủ khả năng nuôi con nên chưa yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy chị xin rút lại yêu cầu buộc anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống chị và anh N không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Minh N đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo đến Tòa án lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh N vẫn không đến Tòa án và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Vì vậy không có lời khai của anh N.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Càng Long:

Về tố tụng: Thẩm phán tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, trình tự khi thụ lý vụ án, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đã thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự, nguyên đơn chị Ngô Huyền T chấp hành nghiêm quyền, nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn anh Lê Minh N chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù Tòa án thông báo hợp lệ. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị; anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T. Cho chị T được ly hôn với anh N. Về con chung giao chị T được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con do chị T rút lại yêu cầu nên đình chỉ yêu cầu này; về tài sản do chị T chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xét; về nợ chị T khai không có nên không xét; Về án phí buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Chị Ngô Huyền T khởi kiện yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với anh Lê Minh N có nơi cư trú tại ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “*Ly hôn và nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Chị Ngô Huyền T và anh Lê Minh N đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 và Giấy triệu tập đương sự. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt chị; anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3]. *Về hôn nhân*: Chị Ngô Huyền T và anh Lê Minh N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18, đăng ký ngày 30 tháng 3 năm 2017. Do đó, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của chị Ngô Huyền T và anh Lê Minh N là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị T và anh N sống chung hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng có nhiều khác biệt dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi, dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không còn quan tâm đến nhau, chị T và anh N sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa chị T và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, ...*” Nhưng khi mâu thuẫn xảy ra chị T và anh N không tìm giải pháp khắc phục mà ly thân mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau từ năm 2020 đến nay. Đồng thời, qua kết quả xác minh, ông Lê Văn S là cha ruột của anh N cung cấp mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh N khó hàn gắn, anh N cũng đồng ý ly hôn với chị T và do không muốn nhìn thấy chị T nữa nên anh N không đến Tòa. Đại diện chính quyền địa phương cung cấp, từ khi cưới vợ chồng chị T, anh N sống chung tại ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Tuy nhiên, không rõ mâu thuẫn gì mà chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống tại ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh đã hơn một năm. Hơn nữa, anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên họp

kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh vẫn không có mặt và cũng không cung cấp ý kiến đến Tòa. Điều này chứng tỏ anh N đã không còn quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T. Do anh N cố tình không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, căn cứ khoản điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa xử cho chị T được ly hôn anh N là phù hợp.

[4]. *Về con chung*: Quá trình chung sống, chị T và anh N có một người con chung là Lê Huyền M, sinh ngày 09/3/2018 hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con. Xét yêu cầu được quyền nuôi con chung của chị T là có căn cứ bởi vì, từ khi ly thân, chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và để đảm bảo cháu M có điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất lẫn tinh thần nên tiếp tục giao cháu M cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Theo đơn khởi kiện, chị T có yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 1.500.000 đồng đến khi đủ 18 tuổi nhưng nay chị xin rút lại yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Do đó Tòa đình chỉ yêu cầu này của chị T.

[6]. *Về tài sản chung*: Chị T không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[7]. *Về nợ chung*: Chị T khai không có, Tòa không xét.

[8]. *Về án phí*: Chị T không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 43 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Ngô Huyền T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Huyền T được ly hôn anh Lê Minh N.

Về con chung: Chị Ngô Huyền T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Huyền M, sinh ngày 09/3/2018.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ giải quyết yêu cầu của chị T về việc yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 1.500.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị T không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

Về nợ: Chị T khai không có, Tòa không xem xét.

Về án phí: Chị Ngô Huyền T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cân trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006449 ngày 19 tháng 10 năm 2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại Tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã Nhị Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Nguyễn Thị Trang